

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

MAI BẮC MỸ

**CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH
VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9 34 04 10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – Năm 2018

Công trình được hoàn thành tại: **Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Công Sách

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Văn Thọ

Phản biện 3: PGS.TS Trần Đình Thiên

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi giờ ... ngày ... tháng... năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
- Thư viện Quốc Gia, Hà Nội.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Phát triển kinh tế xanh (PTKTX) đang là yêu cầu cấp thiết và là xu hướng chung nhưng rất mới đối với thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng. Kinh tế xanh (KTX) mang lại lợi ích và cơ hội to lớn đối với tăng trưởng kinh tế (TTKT), nâng cao chất lượng môi trường và tính toàn diện xã hội trong dài hạn của mỗi quốc gia. Để đạt được mục tiêu đó, Việt Nam phải giải quyết một thách thức rất lớn là cần huy động nguồn lực tài chính (NLTC) đủ lớn cho tiến trình chuyển đổi từ mô hình "kinh tế nâu" hiện nay sang PTKTX. Vấn đề huy động nguồn lực tài chính (HĐNLTC) cho PTKTX càng là thách thức lớn hơn đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc (TD&MNPB) bởi trình độ phát triển kinh tế và NLTC nội vùng còn nhiều hạn chế so với các vùng khác trong cả nước. Để HĐNLTC đủ lớn cho PTKTX trên địa bàn vùng TD&MNPB, đòi hỏi Nhà nước vừa phải hoạch định được hệ thống chính sách chung HĐNLTC cho PTKTX ở Việt Nam, vừa hoạch định được các chính sách đặc thù riêng cho vùng TD&MNPB. Đây là vấn đề rất mới, ít được nghiên cứu. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài luận án “Chính sách huy động nguồn lực tài chính phát triển kinh tế xanh vùng Trung du và miền núi phía Bắc” là rất cần thiết.

2. Mục đích ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài luận án

Mục đích: Cung cấp các luận cứ khoa học cho các cơ quan hoạch định chính sách của Nhà nước trong xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX ở Việt Nam nói chung, vùng TD&MNPB nói riêng.

Ý nghĩa lý luận: Góp phần xây dựng và phát triển lý luận về chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù và cách thức vận dụng vào vùng TD&MNPB Việt Nam.

Ý nghĩa thực tiễn: Góp phần nâng cao vai trò và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng TD&MNPB nói riêng, ở Việt Nam nói chung.

3. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án kết cấu gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các nghiên cứu về chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

Chương 2: Cơ sở lý luận về chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

Chương 3: Thực trạng chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB

Chương 4: Phương hướng và giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB đến năm 2030

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG.

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài

Các nghiên cứu về vấn đề chiến lược, chính sách PTKTX, TTX, như: Holger Rogall (2009), “Kinh tế học bền vững- lý thuyết kinh tế và thực tiễn của phát triển bền vững”; OECD (2012), “Tăng trưởng xanh và các nước đang phát triển: Tổng kết cho các nhà hoạch định chính sách”; UNEP (2011), “Hướng tới nền KTX: Lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo”... Các nghiên cứu về vấn đề vùng và chính sách phát triển vùng, như: Perroux (1955), “Những nguyên lý kinh tế học”; JacquesRaoul Boudevill (1996), “Các vấn đề trong lập kế hoạch kinh tế vùng”... Các nghiên cứu về chính sách tài chính xanh (TCX), như: OECD (2011), “Thuế liên quan đến môi trường ở các nước OECD: Các vấn đề và chiến lược”; Wien và Botan (2012), “chính sách tín dụng xanh ở Cộng hòa Liên bang Đức”; Aizawa (2011), chính sách tín dụng xanh ở Trung Quốc; Peters (2012), “chính sách tài chính phát triển năng lượng tái tạo”... Một số nghiên cứu về HĐNLTC cho PTKTX, như nghiên cứu của ngân hàng thế giới (WB, 2013), “phát triển tài chính: sau năm 2015”; WB (2007), “phát triển tài chính - viện trợ và tài trợ”...

1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố ở trong nước

Các nghiên cứu tổng quan về KTX, TTX và chính sách thúc đẩy TTX, như: Nguyễn Thế Chinh (2011), “chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế theo hướng nền KTX ở Việt Nam”; Nguyễn Quang Thuấn và Nguyễn Xuân Trung (2012), “Kinh tế xanh trong đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam”; Trần Ngọc Ngoan (2016), “Chính sách thúc đẩy TTX - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam”; Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (2018), “Kinh tế xanh cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí

hậu”...Các nghiên cứu về chính sách TCX, như: Nguyễn Mạnh Hải (2015), “Chính sách tài chính cho phát triển nền KTX ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”; Lê Quang Thuận(2016), “Chính sách tài chính PTKTX”... Các nghiên cứu về HĐNLTC cho phát triển vùng TD & MNPB, như: Nguyễn Thu Hương (2009), “Giải pháp huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ vùng nông thôn TD&MNPB giai đoạn 2010-2020”; Đoàn Thị Hân(2017), “Huy động và sử dụng các NLTC thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới”...

1.1.3. Tổng hợp đánh giá những vấn đề chưa được giải quyết và một số vấn đề luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết

Những vấn đề chưa được nghiên cứu giải quyết sâu sắc: NLTC cho PTKTX, HĐNLTC cho PTKTX, chính sách HĐNLTC cho phát triển nền KTX, chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù. Những vấn đề chưa được nghiên cứu: PTKTX vùng TD&MNPB, chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB Việt Nam.

Một số vấn đề Luận án (LA) sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết:
Về lý luận: PTKTX và NLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng; khung chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù; các tiêu chí đánh giá chính sách và các nhân tố ảnh hưởng tới hoạch định, thực thi chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng. **Về thực tiễn:** Đặc thù của vùng TD&MNPB trong chuyển đổi xanh; thực trạng các chính sách tác động đến HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB; giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐ NLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB đến năm 2030.

1.2. Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của LA

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài LA

Mục tiêu tổng quát: Luận giải rõ cơ sở khoa học về chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB đến năm 2030.

Các mục tiêu cụ thể: (i) Hệ thống hoá, bổ sung và luận giải rõ hơn cơ sở lý luận về chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng; (ii) Xác định rõ các đặc điểm, đặc thù của vùng TD&MNPB trong giai đoạn khởi đầu chuyển đổi xanh và đánh giá khách quan thực trạng các chính sách HĐNLTC cho PTKTX tác động đến vùng TD&MNPB; (iii) Đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp xây dựng và hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB đến năm 2030.

1.2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài Luận án

Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển KTX và chính sách huy động NLTC cho phát triển KTX vùng TD&MNPB đến năm 2030.

Phạm vi nghiên cứu: Về nội dung: Tập trung nghiên cứu chính sách HĐNLTC từ ngân sách nhà nước (NSNN), chính sách HĐNLTC từ doanh nghiệp (DN) và các tổ chức tài chính (TCTC), chính sách HĐNLTC từ cộng đồng và chính sách HĐNLTC từ các nhà tài trợ nước ngoài cho phát triển KTX trên địa bàn vùng TD&MNPB. Về không gian: Vùng TD&MNPB đặt trong mối quan hệ liên vùng và cả nước. Về thời gian: Cú liệu đánh giá thực trạng từ sau năm 2010, thời hiệu chính sách và giải pháp được đề xuất đến năm 2030.

1.2.3. Cách tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu

Sử dụng cơ sở lý thuyết về KTX trong phát triển bền vững và vai trò của Nhà nước đối với PTKTX để nghiên cứu và giải quyết vấn

đề chính sách HĐNLTC cho PTKTX ở một vùng kinh tế - xã hội (vùng tổng hợp) có tính đặc thù thuộc địa bàn trung du và miền núi, vận dụng vào trường hợp cụ thể là vùng TD&MNPB Việt Nam.

Sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định tính: Tổng hợp, phân tích, chứng minh, thống kê so sánh, thống kê miêu tả, lập ma trận phân tích SWOT tĩnh và động.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG.

2.1. Kinh tế xanh và HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

2.1.1. Kinh tế xanh và PTKTX trên địa bàn vùng

Khái niệm “Nền kinh tế xanh” theo OECD: là nền kinh tế tạo ra, phân phối sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo, giao thông và nhiên liệu sạch và công trình xanh, giảm mức tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, nước thông qua chiến lược hiệu quả năng lượng và tài nguyên, và chuyển từ các cấu phần các-bon sang không các-bon.

Trong mô hình KTX, các bên liên quan gồm các chủ thể chính: Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, đoàn thể và cộng đồng dân cư. Trong đó, doanh nghiệp ở vị trí trung tâm, giữ vai trò chính yếu còn Nhà nước và cộng đồng xã hội cùng phối hợp để chuyển đổi từ “nâu” sang “xanh”.

Trong Luận án, khái niệm “vùng” được sử dụng theo nghĩa là vùng kinh tế - xã hội, có chức năng tổng hợp. Vùng đặc thù cần có chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong phát triển KT-XH, phát triển

KTX là Vùng có những đặc điểm khác biệt so với nhiều vùng khác trong cả nước, thể hiện trên các tiêu chí: (1) Vùng ở địa bàn có điều kiện địa lý và khí hậu khắc nghiệt hơn các vùng khác; (2) Có điều kiện cơ sở hạ tầng kém phát triển hơn các vùng khác; (3) Cơ cấu kinh tế lạc hậu hơn, trình độ sản xuất và năng suất lao động thấp hơn, thu nhập bình quân đầu người toàn vùng thấp hơn các vùng khác; (4) Qui mô NLTC nhỏ hơn, tỉ lệ tích lũy trong dân thấp hơn, tiềm lực tài chính của doanh nghiệp trong vùng còn hạn chế hơn các vùng khác, các tỉnh trong vùng chưa cân đối được ngân sách địa phương (NSDP); (5) Có vị trí địa - sinh thái, địa – kinh tế, địa – chính trị đặc biệt quan trọng đối với cả nước.

Nội dung chủ yếu của PTKTX trên địa bàn vùng, gồm: (1) Giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện phát triển các-bon thấp và duy trì phát triển nguồn vốn tự nhiên trên địa bàn vùng; (2) Xanh hoá sản xuất gắn với xây dựng đô thị sinh thái, phát triển du lịch sinh thái và tạo nhiều việc làm xanh trên địa bàn vùng; (3) Xanh hoá lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững trên địa bàn vùng; (4) Chuyển đổi vai trò, chức năng và phương thức quản lý nhà nước về phát triển vùng nhằm đáp ứng các tiêu chí chủ yếu gồm: tiêu chí bền vững kinh tế và hạ tầng, tiêu chí bền vững môi trường và hiệu quả nguồn lực, tiêu chí bền vững xã hội... nhằm thực hiện hiệu quả quá trình chuyển đổi xanh trên địa bàn Vùng.

2.1.2. Nguồn lực tài chính và HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

Từ góc độ nguồn lực phát triển và phân bổ nguồn lực phát triển trong quản lý kinh tế, “Nguồn lực tài chính” là một loại nguồn lực kinh tế, thể hiện về mặt giá trị của toàn bộ của cải trong xã hội, bao gồm cả

tiền tệ, các nguồn lực vật chất và tài sản khác được quy đổi thành tiền tệ để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội. NLTC cho PTKTX trên địa bàn một vùng là tổng thể các loại NLTC ở trong vùng, NLTC ở trong nước và NLTC ở nước ngoài có thể huy động cho mục tiêu PTKTX ở vùng đó, có thể phân thành 4 loại cơ bản: NLTC từ NSNN, NLTC từ doanh nghiệp, NLTC từ cộng đồng và NLTC từ tài trợ và hỗ trợ quốc tế.

Huy động NLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng là quá trình KT-XH được chủ động kiến tạo, thúc đẩy bởi Nhà nước và chính quyền địa phương trong vùng thông qua các chính sách, biện pháp, hình thức, công cụ mà Nhà nước và chính quyền địa phương trong vùng đưa ra, sử dụng và được các tổ chức, chủ thể kinh tế và cộng đồng thực hiện nhằm chuyển các NLTC dưới dạng tiềm năng thành các quỹ tài chính được sử dụng cho mục tiêu PTKTX trên địa bàn Vùng.

2.2. Chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù

2.2.1. Khái quát khung chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù

“Chính sách” là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định. Việc HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn một vùng đặc thù nào đó sẽ đồng thời chịu sự tác động điều chỉnh của hai loại nhóm chính sách của Nhà nước là chính sách HĐNLTC cho phát triển nền KTX (chính sách chung) và chính sách riêng cho vùng đặc thù (chính sách đặc thù) nhằm dành sự ưu tiên hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt cho vùng đó trong HĐNLTC cho mục tiêu PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù.

2.2.2. Chính sách HĐNLTC cho phát triển nền KTX (điều chỉnh chung các vùng trong cả nước)

❖ *Chính sách HĐNLTC từ NSNN cho phát triển nền KTX:* được phân thành 2 nhóm: (1) Nhóm chính sách HĐNLTC vào NSNN cho hỗ trợ phát triển nền KTX. (2) Nhóm chính sách phân bổ và sử dụng NLTC trong NSNN phục vụ mục tiêu phát triển nền KTX.

❖ *Chính sách HĐNLTC từ các doanh nghiệp (DN), tổ chức tài chính (TCTC) cho phát triển nền KTX:* được phân thành 2 nhóm: (1) Nhóm chính sách nhằm khuyến khích, kích thích, hỗ trợ các DN đầu tư PTKTX thông qua sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế và các công cụ thị trường. (2) Nhóm chính sách khuyến khích các TCTC cung cấp các khoản vốn vay cho các DN đầu tư PTKTX.

❖ *Chính sách huy động NLTC từ cộng đồng cho phát triển nền KTX.*

❖ *Chính sách HĐNLTC từ các nhà tài trợ quốc tế cho phát triển nền KTX.*

2.2.3. Chính sách riêng đối với Vùng đặc thù trong HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng (chính sách đặc thù)

Có 05 nhóm chính sách cụ thể: 1) Chính sách HĐNLTC từ các nguồn lực trong vùng vào ngân sách địa phương (NSĐP) phục vụ PTKTX trên địa bàn vùng. 2) Chính sách chi NSĐP cho đầu tư PT KTX trên địa bàn vùng. 3) Chính sách phân bổ, sử dụng NLTC từ ngân sách trung ương (NSTW) cho hỗ trợ PTKTX. 4) Nhóm chính sách riêng đối với vùng đặc thù trong HĐNLTC từ DN, TCTC cho PTKTX trên địa bàn vùng. 5) Chính sách riêng đối với vùng đặc thù trong HĐNLTC từ các nhà tài trợ quốc tế cho PTKTX.

2.3.4. Tiêu chí đánh giá chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng

Đánh giá chính sách theo 03 tiêu chí: (1) Tiêu chí sử dụng các công cụ kinh tế nhằm đạt được mục tiêu chính sách (mục tiêu kỳ vọng). (2) Tiêu chí qui mô kinh tế đạt được theo mục tiêu chính sách (mục tiêu kỳ vọng). (3) Tiêu chí chất lượng của chính sách khi được hoạch định, ban hành.

2.3. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hoạch định và thực hiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù

2.3.1. Các yếu tố và nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định, xây dựng chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù.

- Nhóm yếu tố khách quan: (1) Vị trí, vai trò và đặc thù của vùng; (2) Chênh lệch cung-cầu về NLTC nội vùng cho PTKTX; (3) Qui mô NLTC trong NSTW; (4) Hội nhập quốc tế của quốc gia; (5) Thực tiễn phát triển liên kết vùng.

- Nhóm các nhân tố chủ quan: (1) Nhận thức và quyết tâm chính trị của lãnh đạo Nhà nước trong giải quyết vấn đề NLTC cho PTKTX vùng đặc thù; (2) Sự chi phối của “lợi ích nhóm”; (3) Năng lực, tầm nhìn của chủ thể hoạch định chính sách; (4) Hệ thống luật pháp, chính sách hiện hành của Nhà nước; (5) Kết quả đánh giá tác động của chính sách (dự kiến); (6) Tình trạng số liệu thống kê nhà nước liên quan đến PTKTX.

2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù.

Các yếu tố chủ yếu gồm: (1) Tình hình thực tế cán cân thu-chi NSTW & NSDP; (2) Trình độ phát triển KT-XH và năng lực lãnh đạo

của CQĐP; (3) Mức độ sẵn sàng của các DN, TCTC; (4) Sự sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng vào chuyển đổi xanh; (5) Sự sẵn lòng và niềm tin của nhà tài trợ quốc tế; (6) Kết quả công tác tuyên truyền về chính sách.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Khái quát đặc điểm đặc thù của vùng TD&MNPB trong HĐNLTC cho PTKTX

3.1.1. Đặc điểm, đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng TD&MNPB trong chuyển đổi xanh, phát triển KTX

Vùng TD&MNPB có phạm vi không gian lãnh thổ lớn; là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về KT-XH, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; có vai trò quan trọng đối với môi trường sinh thái của cả miền Bắc; có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống (40 dân tộc); Vùng có mật độ dân số, mức thu nhập bình quân đầu người và mức sống dân cư thấp hơn nhiều so với các vùng khác trong cả nước. Tăng trưởng kinh tế của Vùng chủ yếu đang dựa vào khai thác tài nguyên, tiêu hao nhiều năng lượng, mức phát thải CO₂ và xả thải chất rắn cao...

3.1.2. Đặc điểm, đặc thù về huy động và sử dụng các NLTC của vùng TD&MNPB trong giai đoạn khởi đầu thực hiện chuyển đổi xanh.

- Nguồn thu NSNN trên địa bàn Vùng còn rất hạn chế, chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng thu NSNN cả nước; Cơ cấu nguồn thu NSNN trên địa bàn Vùng chưa đa dạng, tỉ trọng thu nội địa rất thấp; Bội chi NSĐP

diễn ra phổ biến ở các tỉnh trong Vùng, việc cân đối NSDP dựa ngày càng nhiều vào nguồn bổ sung từ NSTW; Chi NSNN cho đầu tư phát triển (ĐTPT) trên địa bàn Vùng chủ yếu dựa vào nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW.

- Vùng là địa bàn kém hấp dẫn các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài; Thu hút NLTC từ xã hội cho ĐTPT còn hạn chế, cơ cấu đầu tư chưa có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng của kinh tế tư nhân và vốn FDI.

3.2. Phân tích thực trạng các chính sách HĐNLTC cho PTKTX tác động đến vùng TD&MNPB

3.2.1. Thực trạng chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về HĐNLTC cho PTKTX ở Việt Nam

- Đảng có chủ trương, chính sách lớn về PTKTX.

- Chính phủ đã xác định quan điểm trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã xác định: Nhà nước ưu tiên và dành kinh phí thoả đáng từ NSTW và NSDP thực hiện chiến lược TTX, đặc biệt cho nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lượng tái tạo; ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các TCTC, DN triển khai các hoạt động SXKD theo tiêu chí TTX; sử dụng các công cụ tài chính, tín dụng, thị trường để khuyến khích và hỗ trợ phát triển KTX, sản phẩm xanh.

3.2.2. Thực trạng các chính sách HĐNLTC từ NSNN cho PTKTX tác động đến vùng TD&MNPB

* Các chính sách HĐNLTC vào NSNN gắn với mục tiêu phát triển KTX: 1) Nhóm chính sách thuế, phí đã được Nhà nước điều hành theo hướng vừa tạo nguồn thu NSNN vừa hỗ trợ PTKTX. 2) Nhóm chính sách HĐNLTC từ nguồn lực đất đai và tài sản gắn liền với đất

đại đã được Nhà nước điều chỉnh theo hướng vừa tăng nguồn thu NSNN vừa hỗ trợ KTX. 3) Nhóm chính sách vay nợ nước ngoài và vay nợ trong nước bù đắp bội chi NSNN đã được Nhà nước điều chỉnh theo hướng vừa bảo đảm an toàn nợ công, nợ chính phủ, nợ quốc gia vừa hỗ trợ KTX. 4) Nhóm chính sách phân cấp và phân chia nguồn thu NSNN: Giai đoạn 2010 – 2016, NSDP các tỉnh vùng TD&MNPB được hưởng tỉ lệ phân chia 100% nguồn thu trên địa bàn được để lại NSDP.

* Các chính sách phân bổ và sử dụng NLTC trong NSNN cho phát triển KTX: 1) Nhóm chính sách phân bổ và sử dụng NLTC trong NSNN cho đầu tư, hỗ trợ BVMT, ứng phó BĐKH và phát triển KTX chủ yếu được thực hiện thông qua sử dụng các quỹ, như: Quỹ BVMT, Quỹ phát triển KH&CN, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng. Tốn dụng nhà nước chủ yếu tập trung cho các dự án CDM, năng lượng tái tạo, xử lý chất thải rắn... 2) Nhóm chính sách chi NSNN trực tiếp (trợ cấp trực tiếp) cho sự nghiệp BVMT và thúc đẩy xanh hoá nền kinh tế thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), các Chương trình mục tiêu (CTMT).

3.2.3. Thực trạng chính sách HĐNLTC từ các DN, TCTC cho PTKTX tác động đến vùng TD&MNPB

- Nhóm chính sách sử dụng các công cụ tài chính, tín dụng và thị trường để khuyến khích và hỗ trợ DN đầu tư phát triển KTX, sản phẩm xanh, gồm: 1) Chính sách ưu đãi, miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá NK để sử dụng trực tiếp vào hoạt động khoa học và phát triển công nghệ xanh, các nhóm dự án CDM, dự án điện sinh khối. 2) Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với DN đầu tư vào hoạt động BVMT, dự án CDM, chuyển nhượng chứng chỉ phát thải. 3) Chính sách ưu đãi thuế sử dụng đất; chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

đối với một số trường hợp để hỗ trợ KTX và BVMT. 4) Chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ tài chính, hỗ trợ lãi suất cho các DN đầu tư dự án BVMT, các dự án CDM, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, cơ sở xử lý chất thải rắn. 5) Chính sách hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nổi lưới, các dự án điện sinh khối; chính sách hỗ trợ chi phí đầu vào và về tiêu thụ, giá bán sản phẩm đầu ra cho các DN có dự án BVMT. 6) Chính sách cho phép DN được phát hành trái phiếu DN, tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ để huy động vốn cho các dự án KTX.

- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ đào tạo, tăng cường năng lực cho các ngân hàng thương mại (NHTM) và TCTC trong hoạt động tài chính - tín dụng xanh; hỗ trợ các DN thực hiện TTX.

3.2.4. Thực trạng chính sách HDNLTC từ cộng đồng cho PTKTX

- Khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng triển khai và mở rộng qui mô các mô hình sản xuất và tiết kiệm, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hoà và thân thiện với thiên nhiên.

- Khuyến khích và hỗ trợ các cộng đồng phát triển mô hình đô thị sinh thái, nông thôn xanh, mô hình nhà ở xanh, mô hình phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng (3K), cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng.

3.2.5. Thực trạng chính sách huy động NLTC từ hỗ trợ quốc tế cho phát triển KTX

Đến nay, Chính phủ chưa ban hành văn bản quy định chính sách cụ thể về HDNLTC từ các nhà tài trợ nước ngoài cho PTKTX ở Việt Nam nói chung, vùng TD&MNPB nói riêng.

3.3. Đánh giá thực trạng chính sách HDNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB

3.3.1. Những thành quả bước đầu

(1) Đã đạt được sự thống nhất nhận thức, quan điểm của Đảng, Nhà nước về vai trò đặc biệt và tính đặc thù của vùng TD&MNPB. (2) Nhà nước đã khẳng định tính cấp thiết xây dựng chính sách HDNLTC trong thực hiện chiến lược TTX. (3) Nhà nước đã hoạch định, tổ chức thực hiện được một số chính sách cụ thể về HDNLTC vào NSNN để chi cho ĐTPT, trong đó có chuyển đổi xanh. (4) Nhóm chính sách phân bổ và sử dụng NLTC trong NSNN đã được Nhà nước điều chỉnh theo hướng tăng cường sử dụng các công cụ tài chính, tín dụng, thị trường và các quỹ tài chính. (5) Nhóm chính sách chi NSNN để trợ cấp trực tiếp cho hoạt động BVMT, ứng phó BĐKH và TTX được Nhà nước hoạch định và tổ chức thực hiện theo quan điểm đầu tư phát triển thông qua nhiệm vụ sự nghiệp BVMT và sử dụng các CTMTQG, các CTMT cho từng giai đoạn. (6) Nhà nước đã ban hành một số chính sách tài chính, tín dụng và sử dụng các công cụ kinh tế, công cụ thị trường để khuyến khích và hỗ trợ các DN đầu tư chuyển đổi xanh.

3.1.2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

(1) Chưa xây dựng được hệ thống chính sách khung về PTKTX, về HDNLTC cho PTKTX, TTX ở Việt Nam. (2) Một số chính sách hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. (3) Một số chính sách mới ban hành còn đơn lẻ, chưa cụ thể và chưa đủ mức giải quyết vấn đề thực tiễn về nhu cầu NLTC cho PTKTX, TTX rất lớn và cấp thiết. (4) Các chính sách ưu đãi hiện hành về thuế, phí, tín dụng, giá cả phần lớn vẫn tập trung vào lĩnh vực BVMT, ứng phó BĐKH và lĩnh vực năng lượng xanh mà chưa mở

rộng sang các lĩnh vực khác của KTX, đồng thời cũng chưa đủ mức khuyến khích, kích thích các DN mở rộng đầu tư vào lĩnh vực KTX. (5) Phạm vi tác động điều chỉnh của một số chính sách thuế, phí còn hẹp, chưa bao quát hết các đối tượng cần phải chịu thuế, phí; thuế suất còn thấp hơn nhiều nước trong khu vực. (6) Đến nay, Nhà nước chưa ban hành chính sách cụ thể về huy động NLTC cho phát triển KTX vùng đặc thù như vùng TD&MNPB.

Nguyên nhân chung của các hạn chế nêu trên là do KTX và HĐNLTC cho PTKTX còn rất mới, Nhà nước ta chưa có kinh nghiệm quản lý, nhất là xây dựng chính sách; ảnh hưởng của tư duy nhiệm kỳ; chưa có số liệu thông kê nhà nước về TTX, TCX phục vụ hoạch định chính sách...

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2030.

4.1. Bối cảnh, điều kiện và định hướng phát triển KTX vùng TD&MNPB

4.1.1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với chuyển đổi từ mô hình kinh tế "nâu" hiện tại sang mô hình "kinh tế xanh" trên địa bàn vùng TD&MNPB

Mô hình tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hoá hiện nay ở vùng TD&MNPB đang chủ yếu dựa vào khai thác, sử dụng kém hiệu quả tài nguyên, năng lượng. Suy giảm đa dạng sinh học phát sinh từ hoạt động của con người trực tiếp tác động trở lại ngày càng nhanh đến đời sống KT-XH. Kinh tế xanh là mô thức phát triển mới đối với Việt

Nam, vùng TD&MNPB. Chuyển đổi xanh trên địa bàn vùng TD&MNPB trong thời kỳ tới đòi hỏi phải huy động được NLTC rất lớn. Phương thức quản lý nhà nước về phát triển vùng TD&MNPB cần được điều chỉnh nhằm đáp ứng các tiêu chí: Tiêu chí bền vững kinh tế và hạ tầng, tiêu chí bền vững môi trường và hiệu quả các nguồn lực, và tiêu chí bền vững xã hội và bao trùm.

4.1.2. Các điều kiện khung then chốt về thể chế cho chuyển đổi xanh vùng TD&MNPB

(1) Thiết lập và hoàn thiện khung thể chế và quản lý nhằm thúc đẩy chuyển đổi xanh. (2) Ưu tiên các nguồn đầu tư và chi tiêu của Nhà nước cho thúc đẩy xanh hoá các ngành kinh tế. (3) Hạn chế đầu tư và chi tiêu vào những lĩnh vực gây cạn kiệt nguồn vốn tự nhiên. (4) Sử dụng đồng bộ, hiệu quả các công cụ tài chính, tín dụng và công cụ thị trường kích thích thúc đẩy chuyển đổi xanh. (5) Đầu tư hỗ trợ tăng cường năng lực và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu PTKTX, TTX. (6) Tăng cường năng lực quản trị quốc gia, quản trị vùng để chuyển đổi xanh. (7) Thiết lập khung thể chế liên kết Vùng và quản trị Vùng. (8) Quản lý tổng hợp vùng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh. (9) Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để giảm chi phí chuyển đổi xanh trên địa bàn Vùng. (10) Hỗ trợ tăng cường năng lực cho các địa phương trong chuyển đổi xanh trên địa bàn Vùng.

4.1.3. Các định hướng lớn về chuyển đổi xanh, phát triển KTX trên địa bàn vùng TD&MNPB

(1) Tăng cường đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên trên địa bàn Vùng. (2) Phát triển nhanh cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông vận tải xanh, hạ tầng năng lượng xanh trên địa bàn Vùng. (3) Xanh hoá sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn xanh trên địa bàn

Vùng. (4) Xanh hoá sản xuất công nghiệp, thực hiện "công nghiệp hoá sạch" trên địa bàn Vùng. (5) Phát triển sản xuất và đẩy mạnh tiêu dùng năng lượng xanh, thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn Vùng. (6) Xanh hoá sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn Vùng. (7) Xanh hoá ngành du lịch, phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn Vùng. (8) Phát triển sản xuất và tiêu dùng sản phẩm xanh, từng bước phát triển thị trường sản phẩm xanh trên. (9) Hình thành thị trường việc làm xanh và khuyến khích tạo việc làm xanh.

4.2. Quan điểm và phương hướng xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng TD&MNPB

4.2.1. Quan điểm xây dựng khung khổ chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB

- Chính sách HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB phải gồm hai loại là chính sách chung và chính sách đặc thù.

- Nhà nước cần ưu tiên sử dụng NLTC trong NSTW để hỗ trợ có mục tiêu cho NSDP các tỉnh vùng TD&MNPB thực hiện các chương trình, dự án KTX quan trọng trên địa bàn Vùng.

- Gắn kết chính sách huy động với sử dụng NLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Trung ương với CQĐP vùng TD&MNPB trong xây dựng phương án chính sách, đánh giá tác động của chính sách và triển khai thực hiện chính sách đặc thù HĐNLTC cho PTKTX vùng TD&MNPB.

4.2.2. Phương hướng xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho phát triển nền kinh tế xanh, trong đó có PTKTX vùng TD&MNPB.

- Xây dựng đồng bộ khung chính sách quốc gia về phát triển nền KTX, về HĐNLTC cho PTKTX ở Việt Nam, có tính đến điều kiện đặc thù của các vùng để có phương án hoạch định chính sách cho một số vùng đặc thù.

- Xây dựng chính sách phát triển thị trường vốn gắn với mục tiêu chuyển đổi xanh, phát triển KTX (thị trường TPCQĐP xanh, TP DN xanh).

- Chính sách HĐNLTC từ NSNN cho PTKTX cần tiếp tục điều chỉnh theo hướng tăng cường nguồn thu NSNN gắn với hỗ trợ TTX, hạn chế tối đa kinh tế nâu; đồng thời phân bổ sử dụng NLTC trong NSNN tập trung cho đầu tư vào PTKTX.

- Chính sách HĐNLTC của các nhà tài trợ, việc trợ nước ngoài cần điều chỉnh, bổ sung theo hướng thành các kênh thu hút vốn tài trợ, viện trợ hướng tới mục tiêu PTKTX.

- Hướng chính của việc hoạch định, điều chỉnh chính sách HĐNLTC của các doanh nghiệp đầu tư PTKTX là khu vực kinh tế tư nhân.

4.3. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách huy động các NLTC cho phát triển nền KTX ở Việt Nam đến năm 2030

4.3.1. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC từ NSNN cho phát triển nền KTX

1) Xây dựng khung chính sách thuế xanh, phí xanh làm cơ sở để xây dựng các đề án sắc thuế mới và bổ sung, hoàn thiện các luật thuế, phí hiện hành. 2) Sử dụng đầy đủ hơn các công cụ thị trường trong định giá, đấu giá chuyển quyền sử dụng đất. 3) Bổ sung các tiêu chí đặc thù để mở rộng khả năng vay nợ của CQĐP ở vùng đặc thù. 4) Bổ

sung tiêu chí phân bổ tài nguyên, khoáng sản để điều chỉnh chính sách phân chia nguồn thu giữa NSTW và NSDP nhằm tạo sự công bằng giữa các địa phương, giữa các vùng. 5) Thành lập Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh Việt Nam; khuyến khích CQĐP cấp tỉnh thành lập Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh ở địa phương hoặc liên kết giữa CQĐP các tỉnh trong vùng thành lập Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh vùng. 6) Thành lập mới Quỹ tín dụng xanh Việt Nam, Quỹ phát triển năng lượng xanh Việt Nam. 7) Sửa đổi luật NSNN năm 2015, trong đó bổ sung khoản chi NSNN cho hỗ trợ xanh hoá nền kinh tế trong các nhiệm vụ chi NSTW và nhiệm vụ chi NSDP.

4.3.2. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách HĐNLTC từ các DN, TCTC cho phát triển nền KTX

1) Khuyến khích, kích thích các DN đầu tư phát triển KTX thông qua sử dụng đồng bộ các công cụ tài chính, tín dụng, giá cả theo hướng mở rộng phạm vi đối tượng được hưởng ưu đãi và tăng mức ưu đãi. 2) Mở rộng phạm vi đối tượng DN được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước để khuyến khích các DN, nhất là DNN&V đầu tư hoạt động trong lĩnh vực KTX. 3) Phát triển nhanh thị trường vốn và hoàn thiện khung pháp lý về các công cụ nợ của DN để khuyến khích các DN huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cho đầu tư PTKTX. 4) Đẩy nhanh tiến độ ban hành các chính sách hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích DN đầu tư chuyển đổi xanh, nhất là áp dụng công nghệ xanh. 5) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật cho các TCTC, tín dụng cung cấp các khoản vốn vay cho DN để hỗ trợ DN mở rộng đầu tư trong lĩnh vực KTX.

4.3.3. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách HDNLTC từ cộng đồng cho phát triển nền KTX

1) Xây dựng mới chính sách hỗ trợ đào tạo và nâng cao năng lực cho các cơ quan CQDP các cấp thực hiện vận động cộng đồng dân cư, các Hội, đoàn thể... tham gia thực hiện các giải pháp xanh hoá đô thị, xây dựng nông thôn xanh. 2) Xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng phát triển mô hình đô thị sinh thái, nông thôn xanh, nhà ở xanh. 3) Xây dựng chính sách vận động và khuyến khích sử dụng NLTC của cộng đồng tham gia vào lĩnh vực hoạt động quản lý rủi ro thiên tai, trồng rừng và quản lý rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

4.3.4. Giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách huy động nguồn vốn tài trợ của các nước, các tổ chức quốc tế cho PTKTX ở Việt Nam

- Chính sách khuyến khích các tổ chức, DN và cá nhân đẩy mạnh hoạt động thu hút tài trợ quốc tế. Chú trọng vận động các quỹ tài chính như Quỹ khí hậu xanh (GCF), Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh (GGSF), Quỹ công nghệ sạch (CTF), Quỹ tín dụng xanh (GCTF), Quỹ thúc đẩy tăng trưởng xanh Hàn Quốc (KGFGTF)...

- Chính sách ngoại giao kinh tế xanh nhằm đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế xanh cấp Chính phủ, cấp các Bộ, ngành ở Trung ương và Chính quyền địa phương cấp tỉnh.

4.4. Đề xuất chính sách đặc thù về HDNLTC cho chuyển đổi xanh, PTKTX trên địa bàn vùng TD&MNPB

- Về chính sách phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP: Chuyển khoản thu thuế thu nhập cá nhân thành khoản thu NSDP hưởng 100% cho các tỉnh vùng TD&MNPB; Chuyển khoản thu thuế BVMT trên địa bàn các tỉnh vùng TD&MNPB (trừ thuế BVMT thu từ

hàng hoá nhập khẩu) thành khoản thu NSDP hưởng 100%; Điều chỉnh khoản thu thuế TNDN từ các doanh nghiệp khai thác khoáng sản do địa phương quản lý trên địa bàn vùng TD&MNPB thành khoản thu do các tỉnh trong Vùng hưởng 100% để góp phần ổn định nguồn thu NSDP cho các tỉnh trong Vùng.

- Chính phủ có chính sách sử dụng nguồn vốn từ NSTW cho triển khai “Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xanh trên địa bàn vùng TD&MNPB giai đoạn 2021-2030”.

- Chính sách hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cơ quan CQĐP cấp tỉnh trong vùng TD&MNPB thực hiện phát hành TPCQĐP xanh. Chính sách khuyến khích và hỗ trợ hình thành và phát triển các Quỹ đầu tư xanh cấp tỉnh, cấp Vùng (do UBND cấp tỉnh thành lập và quản lý); các Quỹ khởi nghiệp sáng tạo phát triển kinh tế xanh cấp vùng, ...

- Nhà nước cần ưu tiên phân bổ nguồn vốn ODA cho hỗ trợ PTKTX trên địa bàn vùng TD&MNPB; có cơ chế chính sách để hỗ trợ CQĐP các tỉnh trong vùng TD&MNPB tìm kiếm, thu hút các nhà tài trợ nước ngoài.

4.5. Một số kiến nghị với các cơ quan Nhà nước

1. Chính phủ xem xét việc thành lập Ủy ban quốc gia về phát triển KTX.

2. Ban điều phối triển khai chiến lược TTX, sớm hoàn thành việc xây dựng và ban hành Đề án xây dựng cơ chế, chính sách huy động và quản lý nguồn lực (tài chính, nhân lực) cho TTX giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030.

3. Bộ Tài chính sớm xây khung chính sách tài chính xanh trong

đó có chính sách huy động NLTC xanh.

4. Tổng cục thống kê sớm xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê về KTX; sớm tổ chức thu thập, công bố số liệu thống kê nhà nước về KTX, tài chính xanh... để phục vụ các cơ quan hoạch định chính sách

5. Chính quyền địa phương cấp tỉnh ở vùng TD&MNPB cần chủ động tăng cường phối hợp, liên kết đề xuất kiến nghị chung của Vùng với Chính phủ về hoạch định và ban hành cơ chế chính sách đặc thù cho các tỉnh trong vùng trong HDNLTC cho chuyển đổi xanh, PTKTX trên địa bàn Vùng.

6. Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính, UBND các tỉnh vùng TD&MNPB nghiên cứu xây dựng “Đề án cơ chế chính sách đặc thù huy động NLTC cho phát triển KTX vùng TD&MNPB”.

7. Quốc hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung luật NSNN năm 2015 để phản ánh được những vấn đề thực tiễn của quản lý NSNN trong điều kiện chuyển từ kinh tế nâu sang phát triển nền KTX

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP SAU LUẬN ÁN

Luận án đã xác lập khung lý thuyết phân tích chính sách HDNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù, gồm các bộ phận hợp thành chủ yếu: (i) Khung phân tích chính sách HDNLTC cho phát triển nền KTX có chức năng điều chỉnh chung các vùng trong cả nước. (ii) Khung phân tích các chính sách riêng đối với vùng đặc thù trong HDNLTC cho phát triển KTX trên địa bàn Vùng. (iii) Khung phân tích tiêu chí đánh giá, chỉ số phản ánh và phương pháp đánh giá chính sách HDNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng đặc thù. (iv) Khung phân tích

các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hoạch định và thực hiện chính sách HĐNLTC cho PTKTX trên địa bàn vùng.

Luận án đã phân tích thực trạng các đặc điểm, đặc thù của vùng TD&MNPB trong giai đoạn bước đầu chuyển đổi xanh và phân tích, đánh giá thực trạng các chính sách của Nhà nước đã ban hành liên quan đến HĐNLTC cho phát triển nền KTX ở Việt Nam, trong đó, vùng TD&MNPB cũng là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh, tác động của các chính sách đó. Trên cơ sở đó, đưa ra những nhận định, đánh giá về các thành quả đã đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân làm cơ sở thực tiễn cho đề xuất phương hướng giải pháp xây dựng và hoàn thiện chính sách HĐNLTC cho phát triển nền KTX ở Việt Nam đến năm 2030, từ đó gợi mở và đề xuất một số chính sách đặc thù cho vùng TD&MNPB.

Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp sau luận án này:

- Nghiên cứu kinh nghiệm các nước đi trước về PTKTX trong hoạch định các chính sách tốt (theo thông lệ quốc tế) về HĐNLTC cho PTKTX cấp quốc gia và cấp Vùng.
- Nghiên cứu đánh giá định lượng tác động của các chính sách hiện hành đến chuyển đổi xanh, PTKTX ở Việt Nam nói chung, vùng TD&MNPB nói riêng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN

1. Mai Bắc Mỹ (2015), “Giải bài toán xóa đói giảm nghèo vùng Tây Bắc”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Tháng 04/2015, pp 69 - 71;
2. Mai Bắc Mỹ (2017), “Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Thương mại, số 29&30 (10+12/2017), pp 69 - 76;
3. Mai Bắc Mỹ (2018), “Vai trò của Nhà nước trong tạo lập các điều kiện khung then chốt cho chuyển đổi xanh ở Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Tháng 1/2018 (số 02), pp22 - 24;
4. Mai Bắc Mỹ (2018), "Tăng cường vận động nông dân thực hiện chiến lược quốc gia về "Tăng trưởng xanh" ở Việt Nam", Tạp chí Cộng sản, tháng 8/2018 số 910, pp 89-93.